

## MƯỜI ĐẠI ĐỆ-TỬ PHẬT

Trong số các đệ-tử giỏi của đức Thế-tôn, thì những vị xuất sắc nhất là 10 vị Đại La-hán, gọi là Đại đệ-tử của Ngài.

- |                        |                      |
|------------------------|----------------------|
| 1. Ma-ha-ca-diếp       | 2. A-nan-đà          |
| 3. Xá-lợi-phất         | 4. Tu bồ-đề          |
| 5. Phú-lâu-na          | 6. Đại Mục Kiền Liên |
| 7. Ma-ha Ca chiên-diên | 8. A-na-luật         |
| 9. Ưu-bà-ly            | 10. La-hầu-la        |

Nói chung, trong các chùa xưa thì tượng của đức Thế-tôn và tượng của mười vị Đại đệ-tử này đều được an-trí cùng một lúc. Những chùa như vậy rất nhiều. Lược sử chư-vị này như sau:

### I. MA-HA-CA-DIỆP (MAHAKASHYAPA)



Ngài Ma-Ha-Ca-Diếp  
像葉迦訶摩

Đương thời có rất nhiều vị cũng có tên là Ca-Diếp, cho nên đặc-biệt thêm hai chữ Ma-ha là ‘đại’ được đặt trước danh hiệu Ngài để dễ phân-biệt.

Ngài tu hạnh đầu-đà, Ngài là vị đứng đầu trong sự-nghiệp kết-tập kinh-điển của Phật, nên danh hiệu Đại Ca-Diếp đã được đồn vang trong thiên-hạ.

Ngài sanh tại miền phụ-cận của thành Vương-xá, tức ở thôn Ma-ha bà-la của miền trung Ấn-độ. Thân-phụ Ngài là một đại phú Bà-la-môn giáo, rất nổi tiếng. Hai ông bà kết-hôn với nhau đã lâu năm mà không có con, nên đến thỉnh thọ thần Tất-bát-la-thọ, mới sanh được một người con trai. Nhân đó Ngài được đặt tên là Tất-bát-la-da-ha. Khi Ngài sanh ra đã có đủ 32 tướng tốt, nhất cử nhất động của Ngài đều khác với người thường. Lúc lên tám tuổi, Ngài thọ giới Bà-la-môn và đã tinh-thông những điều ảo-diệu trong đó.

Một sớm nghe thanh-danh của đức Thế-tôn, Ngài liền đến tận nơi đức Phật ngự để xin gia nhập giáo-đoàn. Ngài “sống đạm-bạc, biết đủ” chuyên-tâm trì-chí tự mình tu-hành, cho nên được gọi là “đệ nhất đầu đà”.

Khi Đức Thích-Ca nhập-diệt, Ngài dang đi bộ ở xa tại phương bắc. Sau khi được tin đau xót ấy, Ngài liền ngày đêm chạy vội về, quỳ trước thánh-quan, khóc thương chẳng xiết, rồi

lập chí tự như: “Từ đây về sau, Ta quyết tâm lập kế-hoạch kết-tập kinh-điển của Phật, để xây-dựng tịnh-độ ở nhân-gian. Đó là sự-nghiệp lớn phải làm để báo ơn Phật.”

Truyền thuyết nói rằng: Ngài vào núi Kê-túc, nhập vào thiền phòng để đợi hội Long-hoa sẽ đến.

## II. A-NAN-ĐÀ (ANANDA)



Ngài A-Nan-Đà  
像陀難阿

A-nan-đà hay Nan-đà tôn-giả có thanh-danh rất rộng. Ba chữ ‘A-nan-đà’ được dịch là ‘hoan-hỷ’. Ngài là em của Đại-vương Tịnh-Phạn, con của Cam-lộ Phạm-vương, vai thúc-bá của đức Thích-Ca. Lúc còn thơ-ấu, Ngài đã có chí xuất-gia... Ngài vào cửa Phật khi đức Thế-tôn 55 tuổi. Ngài theo hầu đức Phật được 25 năm. Khi đức Thế-tôn sắp nhập-diệt thì Ngài và A-thế-lâu-đà cùng hầu bên gối Phật, chuyên tâm lo việc thuốc thang chăm sóc. Tánh của Ngài là nghe rộng, nhớ lâu nên được gọi là “đệ nhất đa văn”.

Trong việc kết-tập kinh-điển, đa số kinh-văn đều do A-nan-đà nhớ mà truyền khẩu lại. Thiên-tánh từ-bi, ôn-hòa, dung nhan tốt-đẹp của Ngài khiến cho phụ-nữ thế-gian ái-mộ, vì vậy mà Ngài thường bị họa nữ-nạn.

Lúc đức Thế-tôn còn tại thế, Ngài bất hạnh, chưa được ngộ-đạo, phải đợi hai mươi năm sau khi Phật nhập-diệt thì bạn đồng tu là Đại Ca-Diếp thị-tịch tại núi Kê-túc, Ngài mới bắt đầu biết rằng cũng đến kỳ-hạn nhập Niết-bàn. Ngài bèn triệu tập 500 tỳ-khưu trên bờ sông Hằng để nhắc lại các lời thánh-giáo của Phật lưu lại mà thung dung diệt-độ. Di-hài của Ngài được an-táng bên cạnh Tịnh-xá Trúc-lâm của thành Vương-xá.

## III. XÁ-LỢI-PHẤT (SHARIPUTRA)

Tên đầy đủ của Ngài là Xá-lợi-phất đa-la, nguyên từ tên Ưu-bà-đế-sa, con của bà Ma-sá-la, chủ ấp ở phía đông-nam thành Vương-xá, cách thành một dặm rưỡi. Thân phụ của Ngài là một học-giả của Bà-la-môn giáo, tên là Đế-sa.

Xét về căn-nguyên của danh-từ Xá-lợi-phất, trong *Đại-Trí Độ Luận* có nói: “Vua Ma-đà-la có một người con gái, mà cặp mắt nàng giống mắt chim xá-lợi (một loại thủy cầm), cho nên gọi là Xá-lợi. Người này kết duyên với Đế-sa, sanh được một người con, đặt tên là Xá-lợi-phất”. Nhân vì ba chữ “phất-đa-la” dịch là “tử” cho nên còn gọi Ngài là Xá-lợi-tử.

Khi còn nhỏ, Ngài Xá-lợi-phất đã nhận được sự học rộng tài cao của cha truyền lại, cùng với sự nuôi dưỡng hiền-minh của mẹ, cho nên Ngài tinh-thông cả trăm khoa học nghệ. Cùng các bạn thân, danh



Ngài Xá-Lợi-Phất  
像弗利舍

tánh Ngài được nêu cao, chí hợp nên nhiều đệ-tử ủng hộ, thanh thế rất lớn.

Một hôm, Ngài gặp Tỳ-khưu Mã-Thắng, được biết thanh-danh của đức Thế-tôn, Ngài kính mến chẳng dứt, bèn cùng hơn 350 đệ-tử, quy-y Phật tại Tịnh-xá Trúc-lâm, thọ giới cụ túc, trở thành đệ-tử của đức Thế-tôn.

Lúc ấy, việc Xá-lợi-phất quy-y Phật khiến cho uy-đức của đức Thế-tôn càng thêm phát-dương, thế-lực của giáo đoàn đã lớn càng thêm mạnh. Nhân đó mà Xá-lợi-phất chiếm địa-vị thủ-tọa trong số các đệ-tử, và được gọi là “đệ nhất trí-tuệ”. Ngài dốc hết toàn-lực của mình để giáo-hóa và làm lợi-ích cho chúng sanh.

Trước ngày đức Thế-tôn nhập-diệt, tự biết mình đã gần đến kỳ-hạn nhập Niết-bàn, Ngài bèn trở về cố-hương, an-tọa trong nhà, nhắm mắt tịnh-tâm.

Truyền thuyết nói rằng: mai sau Ngài sẽ thành Phật hiệu là Hoa-Quang Phật. Ngài sẽ lại xuống thế-gian để hoá-độ và làm lợi-ích cho tất cả chúng-sanh.

#### IV. TU BỒ-ĐỀ (SUBHUTI)

Tu-bồ-đề, dịch là Thiên-kiết, Không-sanh, và Thiên-nghiệp. Xét căn-nguyên các danh hiệu này thì trong *Tịnh-Danh Sớ* có chép như sau: Lúc Ngài ra đời, gia thất của Ngài đều không, nên gọi là Không-sanh. Lúc đó, người nhà mười phần lo sợ, bèn thỉnh thầy tướng-số đến xem. Thầy tướng nhận định rằng hài-nhi này một là một dị-nhân, là một tướng lành, bèn gọi hài-nhi là Thiên-kiết.

Bản-tánh của Người này từ-thiện, chẳng ưa tranh cãi. Ngài xuất gia, được đạo, khởi từ-tâm, nhập vô-tránh tam-muội, có công-năng thường làm việc lành, cho nên gọi là Thiên-nghiệp.

Ngài là một trong số 16 đệ-tử của Phật và được gọi là “đệ nhất giai không”.

Nhưng chẳng may là sự-tích của Ngài sau này bị thất-truyền, thật là một điều đáng tiếc.

#### V. PHÚ-LÂU-NA (PURNA)

Phú-lâu-na được dịch là ‘Mãn-ý-tử’, hoặc ‘Mãn-nguyện tử’. Ngài là con một vị trưởng-giả ở thành Ca-tỳ-la: cha Ngài là quốc-sư của đại-vương Tịnh-Phạn, mức tiếng một thời.

Mỗi ngày, Ngài ra ngoài, nỗ-lực làm công tác, thành tâm thiện-chí phụng-sự Phật-đà. Ngài chẳng tiếc của nên đã dốc hết tài-sản ra để xây-dựng tịnh-xá, phát-nguyện về nơi cửa Phật, siêng năng tu-học một cách phi-thường.

Vì Ngài chuyên biện-luận, nói pháp khéo-léo, mẫu-nhiệm cho nên được gọi là “đệ nhất thuyết-pháp”. Thiên-hạ ai cũng nghe danh.

Về sau tại nước Thâu-lô-na, Ngài có thu nhận 500 đệ-tử, lập ra 500 cửa chùa. Ngài hết sức hoằng-dương Phật-pháp.

## VI. ĐẠI MỤC KIẾN LIÊN (MAUDGALYAYANA)

Người thế-gian phần nhiều gọi Ngài là Mục-Liên tôn-giả, dịch là ‘Đại tán-tụng’, hoặc ‘Đại hồ-đậu’. Trong *Tổ-Đình Sự Uyển* có nói: Chử Phạn Đại Mục-kiền-liên họ là Thái Thúc (hái



Ngài Đại Mục-Kiến-Liên  
像燕健巨大

đậu). Truyền thuyết nói rằng: đời Thượng-cổ có một vị tiên ở trên núi là xứ đậu, thường hái đậu mà ăn. Nhân đó, người ta lấy hai chữ “thái-thúc” đặt thành họ cho Ngài. Mẹ của Ngài Mục-Kiến-liên cũng thuộc họ này.

Mục-Liên nguyên tên là Câu-luật-đà, miền đất xuất sanh ra Ngài là thôn Câu-luật-đà ở hương bắc thành Vương-xá. Thân phụ Ngài là thầy của Vương-gia, họ mẹ Ngài là Thái-thúc. Thời thiếu-niên, Ngài là bạn thân-thiết của Xá-lợi-phất. Từ nhỏ, Ngài đã quyết-tâm lìa dục, tu đạo. Hai người, được sự đồng-ý của song thân, cùng đến thành Vương-xá yết-kiến đức Phật và nói rõ ý muốn của mình. Đức Thế-tôn liền thu-nhận hai vị làm đệ-tử. Bạn Xá-lợi-phất của Ngài được gọi là “đệ nhất trí-tuệ”, còn Ngài thì được gọi là “đệ nhất thần-thông”. Nhờ sức thần-thông này mà Ngài biết thân-mẫu mình bị khổ. Ngài bèn trình với đức Phật và xin Phật dạy cho phép cứu mẹ. Nhờ đó mà mẹ Ngài về sau được cứu thoát khỏi địa-ngục. Nhân sự-tích này mà Ngài được gọi là Đại-hiếu Mục-Liên”, nức tiếng trong thiên hạ.

Đương thời có đám người ngoại-đạo lỏa hình, trước kia có lòng oán hận với giáo-đoàn của đức Thích-Ca. Khi họ nghe được danh Ngài Mục-Kiến-Liên đã cứu được mẹ, họ nhớ mối hận cũ trong lòng, nhân lúc Ngài tu thiền trong núi

Y-thị-thị-lợi, họ rình đến đêm Ngài chết. Thật là một tổn-thất lớn cho giáo-đoàn.

## VII. MA-HA CA CHIÊN-DIÊN (KATYAYAYANA)

Ma-ha-ca-chiên-diên là chữ Phạn, dịch thành Văn-sức, hoặc Hảo-kiên. Tên nguyên-thủy của Ngài là Na-la-đà. Ngài là con của vị trưởng-giả của ấp A-bàn-đề Mi-hầu-thực. Phu-thân của Ngài là một luận-sư của Phệ-đà học. Ca-chiên-diên thừa kế huyết-thống của phụ-thân, thành một trưởng-giả rất hiền-minh. Về sau Ngài trở thành một thành-viên trong giáo-đoàn của đức Thích-Ca. Quả nhiên, tài-năng của Ngài đã sớm tỏ ra xuất-chúng, cho nên Ngài được gọi là “đệ nhất luận nghĩa”, rất được mọi người kính-trọng.

Vào ngày đản-sanh của đức Thế-tôn, vua Tịnh-phạn triệu-thỉnh tiên-nhân, A-tư-đà ở núi Tần-đà vào cung để chiếm quẻ cho Thái-tử mới sanh. Vị tiên-nhân đó tức là cậu của Ca-chiên-diên. Ca-chiên-diên lúc ấy đã được về nhà cậu A-tư-đà để học đạo-thuật tứ thiền và ngũ thông.

Sau khi quy-y Phật tại vườn Lộc-dã, thì từ đó đến suốt đời, Ngài dốc tận lực nói pháp để giáo-hoá chúng sanh, trải qua nhiều năm.

### VIII. A-NA-LUẬT (ANIRUDDHA)



Ngài A-Na-Luật  
像律那阿

A-na-luật có một tên khác là A-thế-lâu-đà, dịch là Vô-diệt, Như-ý, và Ly-chương, v.v... Ngài là con của Bạch-phạm vương, biểu đệ của đức Thế-tôn. Ngài thiên-tư thông-minh, lúc thiếu thời đã tự biết mình sau này sẽ trở thành một đại-khí. Sau khi được nghe đức Thế-tôn giáo-hóa tại thành Ca-tỳ-la, Ngài lập-chí xuất gia tu-đạo, cấp thiết thỉnh-cầu đức Phật chuẩn nhận cho Ngài gia-nhập đoàn đệ-tử.

Một hôm, A-na-luật ngồi trước Phật mà buồn ngủ, bị Phật quở trách. Ngài bèn lập thế thực-hành chẳng ngủ, nhân đó mà đôi mắt Ngài rất sáng. Ngài có tinh-thần bền vững, không nao-núng, khiến cho mọi người kính phục. Ngài được gọi là “đệ nhất thiên-nhãn”, cũng là một trong số 10 đại đệ-tử của Phật.

Khi đức Thích-Ca sắp nhập-diệt, Ngài hầu-hạ bên giường, thành-tâm thành-ý chăm lo phụng-dưỡng, săn sóc. Ngài cũng là người có công lớn trong sự nghiệp kết-tập kinh-điển của Phật, sau ngày Phật nhập Niết-bàn.

### IX. ƯU-BÀ-LY (UPALI)

Ưu-bà-ly là tên chữ Phạn, dịch là ‘Cận-thủ’ hay ‘Cận-chấp’. Ngài xuất thân từ giai cấp thủ-đà-la, tức thuộc hạng người thấp hèn nhất ở Ấn-độ. Ban đầu Ngài làm nhà sư hớt tóc ở thành Vương-xá. Tánh-tình Ngài trung-thực và làm việc rất nhiệt-tâm nên Ngài được tín-nhiệm trong các cung-đình, và đối với các vương-gia. Sau khi lập chí tu-hành và trở thành đệ-tử của Phật, Ngài thọ giới trước đại-chúng và được xem là bậc thượng-thủ của giáo-đoàn. Ngài được mệnh danh là “đệ nhất giới luật”.

Sau khi đức Thế-tôn nhập diệt, việc kết-tập kinh-điển Phật bắt-đầu, thì Ngài đảm nhận công việc thu-thập và tồn-trữ giới-luật, một công-tác cần người có học-thức, tài-năng và nhiều kinh-nghiệm. Ngài làm việc không nghỉ ngơi, và đã hoàn-thành nhiệm-vụ rất khó-khăn và to lớn ấy.

### X. LA-HẦU-LA (RAHULA)

La-hầu-la là đích-tử của Đức Thích-Ca. Mẹ Ngài là Gia-du-đà-la, vợ chánh của đức Thế-tôn. Ngài ở trong thai mẹ lâu đến bốn năm, nên gọi là La-hầu-la. La-hầu-la dịch là Phứ-chương.

Có một thuyết nói: ngày đản-sanh của La-hầu-la gặp nhật-thực, nên mới gọi tên là như vậy.

Ba năm sau khi Đức Thế-tôn thành đạo, Ngài được Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thúc giục xuất gia. Ngài bèn bái Xá-lợi-phất làm thầy, gia nhập giáo-đoàn, nghiêm giữ giới-luật, gắng sức tu đạo, sau được gọi là “đệ nhất mật-hạnh”.

Quả thật Ngài không làm mất kỳ-vọng của phụ-thân.

*Phú nhuận, ngày 17 tháng 5 năm Kỷ-Tỵ*

*(20-6-1989)*

**Như Pháp Quân Trần Ngọc Anh**